

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC KHU KINH TẾ VEN BIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ

NGUYỄN NGỌC TUẤN*

1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU KINH TẾ VEN BIỂN

Giai đoạn 2006 - 2010, Bắc Trung Bộ là vùng phát triển mạnh mẽ về công nghiệp. Mặc dù, tỷ lệ diện tích các khu công nghiệp nằm trong các khu kinh tế không cao, nhưng tỷ lệ lấp đầy diện tích khu công nghiệp trong vùng này đạt 53,6% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê, cao hơn mức trung bình cả nước (49,9%).

Miền Trung với những tiềm năng lớn đang là nơi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, có thể thấy rõ qua tỷ lệ lấp đầy diện tích các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đạt 63%, cao nhất trong số ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước.

Trong số các khu kinh tế trọng điểm ở vùng Bắc Trung Bộ hiện nay, các khu kinh tế có ý nghĩa quan trọng là khu kinh tế Nghi Sơn (Thanh Hóa), khu kinh tế Vũng Áng (Hà Tĩnh) và khu kinh tế Chân Mây (TT Huế).

Các khu kinh tế (KKT) ven biển trên địa bàn Bắc Trung Bộ

Địa phương ven biển	Các KKT ven biển	
	Tên gọi các KKT ven biển	Diện tích (ha)
Thanh Hóa	KKT Nghi Sơn	18.611,80
Nghệ An	KKT Đông Nam Nghệ An	18.824,00
Hà Tĩnh	KKT Vũng Áng	22.781,00
Quảng Bình	KKT Hòn La	10.000,00
Quảng Trị	KKT cảng Mỹ Thủy	93.200,00
Thừa Thiên Huế	KKT Chân Mây-Lăng Cô	243.416,00

Nguồn: Tạp chí Các khu công nghiệp Việt Nam 2009

* TS. Viện Phát triển bền vững vùng Trung Bộ.

+ KKT Nghi Sơn (Thanh Hóa)

Khu kinh tế Nghi Sơn được thành lập theo Quyết định số 102/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính Phủ. KKT nằm ở phía Nam của tỉnh Thanh Hoá, cách Hà Nội 200 km; có đường bộ và đường sắt quốc gia chạy qua; có cảng biển nước sâu cho tàu có tải trọng đến 30.000 DWT cập bến...

Với vị trí địa lý thuận lợi, KKT Nghi Sơn được đánh giá là trọng điểm phát triển về hướng Nam của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, đồng thời là cầu nối giữa vùng Bắc Bộ với Trung Bộ, với thị trường Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan.

KKT Nghi Sơn được xây dựng và phát triển với mục tiêu trở thành một KKT tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, trọng tâm là công nghiệp nặng và công nghiệp cơ bản gắn với việc xây dựng và khai thác có hiệu quả cảng biển Nghi Sơn, hình thành các sản phẩm mũi nhọn, có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, các loại hình dịch vụ cao cấp; đẩy mạnh xuất khẩu; mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới. Vì vậy KKT Nghi Sơn đóng vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá nói riêng và cả nước nói chung.

Tính đến nay đã phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết 14 khu chức năng như :

Cụm cảng Nghi Sơn, các khu công nghiệp, quy hoạch sân bay dân dụng, các khu tái định cư, khu phi thuế quan, khu du lịch sinh thái đảo Biện Sơn, khu trung tâm dịch vụ công cộng... trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ để kêu gọi đầu tư và xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng. Đồng thời hoàn chỉnh và trình duyệt quy hoạch chi tiết 15 khu chức năng khác .

Sau hơn 5 năm thành lập và đi vào hoạt động, đến nay có 29 dự án đã và đang đầu tư tại KKT Nghi Sơn, với tổng vốn đăng ký là 145.188 tỷ đồng. Đặc biệt là các dự án trọng điểm như: Khu liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn, Trung tâm Nhiệt điện Nghi Sơn, khu công nghiệp (KCN) luyện kim và công nghiệp sản xuất xi măng... Tổng giá trị đầu tư thực hiện của các dự án ước đạt 917 triệu USD, trong đó có những dự án đi vào hoạt động đạt hiệu quả như Nhà máy xi măng Nghi Sơn, Nhà máy xi măng Công Thanh (giai đoạn 1), Nhà máy ống cốt sợi thủy tinh Nghi Sơn và Nhà máy Bia Thanh Hóa - Nghi Sơn. Tổng doanh thu giai đoạn 2006-2009 ước đạt 9.091 tỷ đồng, góp phần quan trọng vào sự tăng

trường GDP của tỉnh; Nộp ngân sách 650,75 tỷ đồng; Giải quyết việc làm cho hơn 1.900 lao động.

Cùng với các dự án đã được cấp phép đầu tư, hiện nay, có hàng chục dự án khác đã được thỏa thuận địa điểm hoặc đang trong giai đoạn chuẩn bị hồ sơ để xin cấp phép đầu tư, với tổng mức vốn dự kiến đăng ký đầu tư khoảng trên 2 tỷ USD; trong đó, có một số dự án lớn, vốn đăng ký đầu tư lên tới hàng nghìn tỷ đồng hoặc hàng trăm triệu USD.

Công tác đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cũng được quan tâm đúng mức, tỉnh Thanh Hoá và Trung ương đã dành nhiều nguồn lực cho sự phát triển của KKT Nghi Sơn. Với 43 dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đã và đang được triển khai để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu như: Hệ thống cấp nước thô, các tuyến đường giao thông, nạo vét luồng tàu, xây dựng đê chắn sóng cảng Nghi Sơn, các khu tái định cư và nghĩa trang nhân dân, đặc biệt là các công trình phục vụ trực tiếp cho dự án Lọc hoá dầu và Nhiệt điện Nghi Sơn. Đến nay, các dự án đang được triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, một số dự án đã được đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả như: đường Đông - Tây 2, đường vào Nhà máy xi măng Công Thanh... Tổng giá trị đã thực hiện của các dự án đạt hơn 1.000 tỷ đồng; hàng năm đều giải ngân đúng kế hoạch được giao.

+ KKT Vũng Áng (Hà Tĩnh)

KKT Vũng Áng được thành lập và ban hành quy chế hoạt động theo Quyết định số 72/2006/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 và Quyết định số 19/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ với tổng diện tích 22.781 ha, bao gồm 9 xã nằm ở phía Nam huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh với hạt nhân phát triển là cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương có thể tiếp nhận tàu có trọng tải từ 5 đến 30 vạn tấn.

Sự kiến tạo của thiên nhiên đã tạo nên một Vũng Áng khác biệt so với các Khu kinh tế khác trong cả nước. Cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương có thể tiếp nhận tàu có trọng tải từ 5 đến 30 vạn tấn; Có quỹ đất rộng, là điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp và quy hoạch không gian đô thị của một thành phố công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ năng động và hiệu quả trong tương lai. Cách thành phố Hà Tĩnh 60 km về phía Nam, KKT Vũng Áng đang là tâm điểm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đây là nơi có vị trí địa lý kinh tế - chính trị thuận lợi: nằm trên trục đường giao thông Bắc Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây, cách Thành phố Hà Tĩnh và mỏ sắt Thạch Khê 60 km về

phía Bắc. Từ đây có thể giao lưu kinh tế với mọi vùng trong cả nước theo đường quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh và đường sắt Bắc - Nam; và dễ dàng đến với vùng Trung Lào và Đông Bắc Thái Lan theo đường Quốc lộ 8A và 12 kết nối với đường Hồ Chí Minh qua Cửa khẩu Cầu Treo và Cha Lo. Từ cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương theo tuyến đường hàng hải quốc tế dễ dàng đến các nước Nam Á, Bắc Mỹ và Châu Âu. Đây cũng là cửa ngõ ra biển thuận lợi cho nước bạn Lào và Đông Bắc Thái Lan.

Vũng Áng có quỹ đất rộng lớn, phù hợp cho xây dựng phát triển công nghiệp và đô thị. Mặt khác, điều kiện tự nhiên khu vực rất thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, đặc biệt là du lịch biển.

Mục tiêu phát triển của Khu kinh tế Vũng Áng là: Khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý kinh tế và chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc Trung Bộ; Xây dựng và phát triển Vũng Áng để trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, cùng với các KKT khác của khu vực miền Trung, tạo thành chuỗi các khu kinh tế có mối liên kết chặt chẽ với nhau và từng bước trở thành những hạt nhân tăng trưởng, trung tâm công nghiệp luyện kim - dịch vụ cảng biển - du lịch của khu vực Bắc Trung Bộ

Đến nay, Khu kinh tế Vũng Áng đang phát triển nhộn nhịp với hơn 99 dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư với số vốn đăng ký hơn 190.000 tỷ đồng. Trong đó, điển hình là Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương của Tập đoàn Formosa - Đài Loan với tổng mức đầu tư giai đoạn I gần 8 tỷ USD, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I 1,2 tỷ USD, Cụm khách sạn 5 sao và văn phòng cho thuê 76,8 triệu USD, Dự án phát triển khu du lịch dịch vụ Hồ Tàu Voi 70 triệu USD, Dự án phát triển hạ tầng Khu công nghiệp 50 triệu USD... Một số dự án đang hoàn thiện thủ tục để xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư: Dự án nhà máy lọc hoá dầu của Tập đoàn Formosa 16 triệu tấn/năm, tổng mức đầu tư 12,4 tỷ USD; Dự án nhà máy luyện cán thép của Công ty CP Sắt Thạch Khê 4 triệu tấn/năm, tổng mức khoảng 5 tỷ USD; Dự án nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II, III, IV với tổng mức đầu tư gần 4 tỷ USD...

Ngày 23/5/2009, tại khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh và Công ty TNHH đầu tư xây dựng Phú Vinh đã khởi công Dự án khu công nghiệp đô thị, dịch vụ thương mại với tổng mức đầu tư 200 triệu USD. Dự án triển khai trên diện tích 1.200 ha thuộc các xã Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ

Phương huyện Kỳ Anh. Khu công nghiệp và đô thị dịch vụ thương mại Phú Vinh bao gồm các lĩnh vực đầu tư như sản xuất hàng tiêu dùng, chế tạo cơ khí, chế biến hóa phẩm, tổ hợp văn phòng – thương mại, siêu thị, khách sạn, chung cư, biệt thự cao cấp; trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp luyện kim gắn với lợi thế về tài nguyên, các ngành công nghiệp gắn với việc khai thác cảng biển, các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, các ngành công nghiệp phục vụ xuất khẩu. Đây là dự án khu công nghiệp đô thị, dịch vụ thương mại lớn nhất Hà Tĩnh với tổng mức đầu tư 50 triệu USD, giai đoạn 1 sẽ hoàn thành vào cuối năm 2012.

Tuy nhiên, trong chiến lược phát triển KKT mà các nhà quản lý đã hoạch định cũng như nhận định của các chuyên gia, đây chỉ là những bước khởi đầu trong quá trình kiến tạo nên vóc dáng của một KKT tầm khu vực và quốc tế. Theo định hướng phát triển, đến năm 2015, diện tích đất xây dựng các nhà máy công nghiệp đạt 5.000 ha, quy mô dân số 70.000 người và đến năm 2025, diện tích đạt 14.814 ha, quy mô dân số 180.000 người và hướng đến mục tiêu Thành phố công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ có tầm vóc khu vực và quốc tế trong một tương lai gần.

Để đạt được mục tiêu đó, KKT Vũng Áng và tỉnh Hà Tĩnh còn cần nhiều hơn nữa thời gian và nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực như: Bệnh viện, trường đào tạo nghề, công nghiệp nhẹ, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp điện tử, công nghệ cao, du lịch, dịch vụ ... để đảm bảo phát triển bền vững.

+ KKT Chân Mây- Lăng Cô (Thừa Thiên Huế)

Thừa Thiên Huế đã hoàn thành đúng tiến độ quy hoạch chung Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô với diện tích đất xây dựng 9.980 ha, chiếm 36,8% tổng diện tích của khu kinh tế. Tỉnh cũng đồng thời hoàn thành quy hoạch chi tiết khu vực thị trấn Lăng Cô, các khu tái định cư, khu trung tâm điều hành và các khu chức năng. Riêng khu chức năng được lập quy hoạch chi tiết 4.982 ha, chiếm 50% diện tích đất xây dựng.

Hiện một số quy hoạch chi tiết khác đang được triển khai tại đây, gồm cảng Chân Mây, khu đô thị mới Chân Mây, khu ven đường phía Tây đầm Lập An.

Trên cơ sở quy hoạch, tỉnh Thừa Thiên Huế đã triển khai 28 công trình, hạng mục công trình xây dựng hạ tầng giao thông, cầu cống, điện, nước, bưu điện đến cảng Chân Mây, và các khu du lịch, khu công nghiệp với tổng vốn thực hiện hàng trăm tỉ đồng; trong đó vốn thực hiện năm 2009 là 174,5 tỉ đồng. Việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật 3 khu tái định cư

tại xã Lộc Vĩnh, Lộc Tiến và Lập An với tổng diện tích khoảng 90 ha để bố trí tái định cư cho 2.000 hộ dân cũng đã được tỉnh hoàn thành. Công tác quy hoạch còn giúp hạn chế được các trường hợp lấn chiếm đất đai, mặt nước, khai thác tài nguyên trái phép tại khu kinh tế.

Đến cuối năm 2009, Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã thu hút được 34 dự án đầu tư với tổng nguồn vốn đăng ký 31.200 tỉ đồng. Trong đó, nhiều dự án lớn đã được khởi công xây dựng như Khu du lịch Laguna Huế có tổng vốn đầu tư 875 triệu USD, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu phi thuế quan và 100.000m² nhà xưởng xây sẵn với tổng vốn đầu tư 1.700 tỉ đồng. Thừa Thiên Huế đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, để xây dựng tuyến đường nổi Quốc lộ 1A và Khu du lịch Bãi Chuối, tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án Khu du lịch Bãi Chuối với tổng mức đầu tư đã được cấp phép là 102 triệu USD, trên diện tích 100 ha.

Theo quy hoạch phát triển đến năm 2025, Thừa Thiên Huế sẽ xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô thành đô thị cảng, là một trong những trung tâm giao thương quốc tế lớn và hiện đại, trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng tầm quốc gia, quốc tế của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Khu đô thị cảng, kinh tế Chân Mây, Lăng Cô, Huế

Thừa Thiên Huế đã đầu tư 1.182 tỉ đồng xây dựng 22 dự án hạ tầng, thực hiện nhiều chính sách ưu đãi tại Khu kinh tế Chân Mây-Lăng Cô để thu hút đầu tư. Đến nay, tại đây có 32 dự án đã được cấp phép đầu tư với tổng số vốn 1.967 triệu USD; trong đó có 10 dự án nước ngoài, tổng nguồn vốn đầu tư 1.407 triệu USD.

Đáng chú ý là dự án Khu du lịch Laguna Huế của Tập đoàn Banyan Tree (Singapore) với vốn đầu tư 875 triệu USD, Khu du lịch Bãi Chuối của Công ty Cattigara, vốn đầu tư 102 triệu USD. Ngoài các dự án đã hoạt động ổn định, có hiệu quả như Cảng Chân Mây, các dự án về du lịch của Công ty Du lịch Hương Giang, Thanh Tâm, Cổ Đô - Lăng Cô... một số dự án có vốn đầu tư nước ngoài khác là dự án Làng Xanh Lăng Cô, dự án Laguna Việt Nam, dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng đầm Lập An đã triển khai đúng tiến độ.

Công ty Hương Giang vừa đầu tư hơn 65 tỉ đồng để xây dựng cụm du lịch tại Lăng Cô với diện tích rộng hơn 10.000 m², gồm hệ thống nhà nghỉ có quy mô 60 phòng với nhiều nhà dạng biệt thự hướng ra biển, đầy đủ tiện nghi, phục vụ ăn uống, vui chơi, giải trí, thể thao, hội họp theo tiêu chuẩn quốc tế 4 sao để thu hút khách du lịch đến với Lăng Cô.

Chân Mây - Lăng Cô có cảng nước sâu Chân Mây với 130m cầu cảng mới được xây dựng và đưa vào sử dụng, hầm đường bộ Hải Vân nối Huế - Đà Nẵng, thuận tiện cho giao thương giữa các vùng trong khu vực. Đặc biệt, Lăng Cô vừa trở thành vịnh biển đẹp nhất trong lễ trao giấy chứng nhận tại thành phố Setubal - Bồ Đào Nha; tiềm năng du lịch Lăng Cô đang được đầu tư khai thác sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh và khu vực miền Trung.

Với sự phát triển các KKT, KCN tại Bắc Trung Bộ giai đoạn vừa qua, diện tích chuyển mục đích sử dụng là khoảng 436.413 ha; đó là chưa kể các cụm công nghiệp địa phương tại các huyện và các cụm làng nghề. Điều đó, phần nào thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn Bắc Trung Bộ.

2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG PHÁT TRIỂN CÁC KHU KINH TẾ VEN BIỂN

2.1. Phát triển các khu kinh tế chưa có tầm nhìn toàn vùng

Các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ nhìn chung khi xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn 2001- 2010 cũng như các kế hoạch phát triển 5 năm chưa có tầm nhìn toàn vùng, tự các địa phương xây dựng và trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

Thiếu sự hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong vùng nhằm phát huy thế mạnh của từng địa phương và chưa tạo được sự phát triển tổng thể theo định hướng quy hoạch chung của vùng. Do sự thiếu nhất quán trong những lần quy hoạch phân vùng chung của quốc gia và không có sự chỉ đạo, điều hành quy hoạch nhất quán; đặc biệt do không có bộ máy và cơ chế điều hành cụ thể trong thực hiện quy hoạch phát triển vùng đã dẫn tới không có sự hợp tác, liên kết trong phát triển kinh tế toàn vùng. Điều đó làm hạn chế đến hiệu quả và phát triển bền vững. Có thể dễ dàng nhận thấy cơ cấu kinh tế của các địa phương trong vùng hầu như giống nhau và đương nhiên điều đó không thể xuất hiện nhu cầu hợp tác, liên kết mà tất yếu dẫn tới sự cạnh tranh giữa các địa phương trong vùng. Sự thiếu hợp tác, liên kết ngay trong phát triển các khu kinh tế trong vùng. Hầu như tỉnh nào cũng phát triển các khu kinh tế, thậm chí hai khu kinh tế của hai tỉnh nằm ngay liền kề nhau, dẫn đến sự cạnh tranh, dàn trải, phân tán trong thu hút nguồn lực.

Các tỉnh Bắc Trung Bộ chưa đặt ra vấn đề rà soát đánh giá lại tiềm năng tài nguyên và điều kiện thiên nhiên, cân đối hợp lý vấn đề sử dụng tài nguyên trong lồng ghép các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với các quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển đô thị. Chính vì

vậy, quy hoạch phát triển công nghiệp cũng còn nhiều hạn chế. Các tỉnh chưa xây dựng quy hoạch công nghiệp, phương hướng nhiệm vụ phát triển công nghiệp chủ yếu chỉ dựa vào quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp. Quy hoạch chưa xuất phát từ những lợi thế và hạn chế các nguồn lực của địa phương, cũng như trên cơ sở của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nhiều địa phương xác định chưa chính xác phát triển ngành công nghiệp nào là phù hợp với nhu cầu thị trường và tiềm năng của địa phương hoặc xác định các ngành trùng lặp giữa các địa phương, không tính đến khả năng liên kết giữa các địa phương, không dự tính dự báo được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm.

+ Trong khi phân định vùng Bắc Trung Bộ, Chính phủ chưa có khảo sát, đánh giá khoa học, khách quan với sự tham gia đồng thời của các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư chiến lược và các quốc gia lân cận có ảnh hưởng trong khu vực để phân tích một cách toàn diện về vị trí, vai trò, những ưu nhược điểm và lợi thế cạnh tranh trong từng giai đoạn của khu vực này. Trên cơ sở đó có thể thiết lập một qui hoạch định hướng phát triển không gian gắn liền với qui hoạch phát triển kinh tế - xã hội hợp lý cho toàn vùng, trong đó xác định rõ danh mục, qui mô, tiến độ, nguồn vốn các công trình then chốt cấp vùng cần đầu tư, những giải pháp để sớm hình thành trên thực tế và những cơ chế, thiết chế cần thiết đi kèm, đặc biệt là đối với các công trình hạ tầng.

+ Thiếu một cơ quan quản lý nhà nước chuyên trách theo dõi, điều phối phát triển vùng một cách có khoa học, khách quan và kịp thời gắn với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng, có tính thực tế cao. Chính cơ chế có phân lỏng lẻo và hạn chế tính thực tiễn tại các địa phương hiện nay đã và đang dẫn đến tình trạng các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ cơ bản tự mình nghiên cứu thiết lập các qui hoạch phát triển không gian, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng các kế hoạch phát triển 5 năm, hàng năm mà thiếu đi vai trò, tiếng nói của một cơ quan quản lý chung. Việc tập trung đầu tư hiện đại hóa các công trình hạ tầng đầu mối như cảng biển, sân bay để xứng tầm phục vụ cho cả vùng hoặc tập trung đầu tư các tuyến đường cao tốc, đường bộ liên vùng, xuyên quốc gia nhằm rút ngắn thời gian di chuyển, tăng qui mô thị trường và có thể dùng chung hạ tầng thiết yếu của nhau... thì từng địa phương đều có thể nhận thức được, nhưng khi triển khai trên thực tế, tâm lý nôn nóng đi trước và cục bộ địa phương lại đóng vai trò chi phối. Do đó nếu không có sự giám sát, can thiệp và tham mưu khách quan, kịp thời cho Chính phủ thì rất

phi thực tế khi cho rằng các địa phương sẽ tự giác đặt lợi ích của toàn vùng lên trên lợi ích của địa phương mình. Thực tế này đã tồn tại dai dẳng từ nhiều năm qua, nhất là trong điều kiện địa lý không thuận lợi và tình hình kinh tế - xã hội còn chậm phát triển như Bắc Trung Bộ thì biểu hiện đó càng rõ nét hơn so với các vùng khác.

+ Hoàn toàn chưa có một cơ chế đặc thù nào cho các Vùng kinh tế lãnh thổ nói chung và cho vùng Bắc Trung Bộ nói riêng. Những công trình địa phương đầu tư, do hạn chế về nguồn vốn và cũng chủ yếu trông chờ từ Ngân sách, nên đã đầu tư dàn trải, manh mún, năng lực khai thác thấp, chưa kể không đủ vốn buộc phải giãn hoặc dừng thi công khiến đã lãng phí lại càng lãng phí hơn.

2.2. Phát triển dàn trải ảnh hưởng đến đầu tư các ngành mũi nhọn, các lĩnh vực đột phá

Các khu kinh tế khu vực Bắc Trung Bộ phân bố gần nhau: KKT Nghi Sơn (Thanh Hóa) với Cụm công nghiệp Bắc Nghệ An (Nghệ An) là gần nhau, được gọi là vùng kinh tế Nam Thanh - Bắc Nghệ và cũng có những đặc điểm đầu tư gần giống nhau. KKT Vũng Áng (Hà Tĩnh) và KKT Hòn La (Quảng Bình) cách nhau bởi đèo Ngang về đường bộ, nhưng ở đường biển chỉ cách nhau có mũi Độc; KKT Chân Mây - Lăng Cô (Thừa Thiên Huế) và KCN Liên Chiểu (Đà Nẵng) cũng chỉ cách nhau bởi mũi Sơn Trà và hòn Sơn Trà. Đầu tư dàn trải thiếu hiệu quả trong đầu tư xây dựng cảng. Các cảng biển miền Trung phân bố đều khắp các tỉnh từ Bắc xuống Nam, song hiện mới khai thác được 50 - 60% công suất. Dọc bờ biển miền Trung hiện có khoảng 38 địa điểm cảng và cầu cảng; trong đó, các tỉnh Bắc Trung Bộ có 15 địa điểm, các tỉnh Duyên hải Trung Bộ có 23 địa điểm. Điều đáng lưu ý là các KKT phải có cảng nước sâu phục vụ cho phát triển các KKT đó, nhưng ngoại trừ cảng Đà Nẵng, phần lớn các cảng nhỏ, năng lực và trình độ chuyên môn hạn chế, thị trường giới hạn trong phạm vi địa phương.

2.3. Sự phát triển các KKT, và các vấn đề liên quan đến quỹ tài nguyên đất, ảnh hưởng đến an ninh lương thực và an ninh xã hội

Với tổng quỹ đất khoảng 436.413 ha dành cho các KKT, mà phần lớn là đất nông nghiệp như KKT Nghi Sơn lấy đất sản xuất nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản của 12 xã thuộc huyện Tĩnh Gia; KKT Hòn La lấy đất sản xuất nông nghiệp của 7 xã thuộc huyện Quảng Trạch, v.v. Đây là những diện tích đất chuyển đổi vĩnh viễn, không có thể hồi phục lại thành đất nông nghiệp nữa.

Điều này thấy rõ trong việc trải thảm đỏ về cơ sở hạ tầng, nhất là cung cấp các điều kiện hết sức thuận lợi cho các nhà đầu tư vào các KKT; trong đó, đặc biệt ưu tiên là về vị trí, đất đai, về khả năng cung ứng tài nguyên, vị thế khu vực và những ưu đãi về cơ sở hạ tầng, làm nảy sinh mâu thuẫn giữa phát triển công nghiệp và phát triển nông nghiệp.

Các ao hồ, các sông suối, kênh mương trên địa bàn Bắc Trung Bộ là những vực nước tạm thời chứa nước trong những đợt mưa lớn. Do đó, việc san lấp các vực nước này đã có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến công tác thủy lợi, làm tăng mức độ tác hại của úng lụt, làm cho ngập sâu hơn và thời gian kéo dài hơn, khả năng thoát lũ, thoát úng tự nhiên giảm đi đáng kể, làm gia tăng xâm nhập mặn vào mùa khô. Đó là mâu thuẫn nảy sinh giữa phát triển công nghiệp và các hoạt động bảo tồn và phát triển nông nghiệp trên địa bàn Bắc Trung Bộ.

Nhu cầu dùng nước của các khu kinh tế, các khu công nghiệp tăng cao, theo quy định của Bộ Xây dựng, nhu cầu dùng nước của các khu này là 40 m³/ha/ngày đêm. Với tổng diện tích các KKT là 436.413ha thì nhu cầu dùng nước có thể dự đoán là khoảng 17,5 triệu m³ nước sạch cho một ngày đêm phục vụ nhu cầu của các KKT hiện có ở miền Trung, chưa kể các nhu cầu dùng nước cho nông nghiệp, cho nhu cầu dân sinh và các nhu cầu khác. Vì thế, thường xảy ra những mâu thuẫn giữa nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, cho sinh hoạt và cho công nghiệp. Điều này có ảnh hưởng quan trọng đến an ninh tài nguyên nước, đòi hỏi phải tiến hành phân vùng quản lý nguồn nước theo lưu vực để tránh tình trạng thiếu nước phục vụ các nhu cầu phát triển của nền kinh tế.

Đơn cử như trường hợp của KKT Nghi Sơn tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vừa giải phóng mặt bằng, vừa di dân, vừa thi công san lấp mặt bằng, v.v. khiến cho người dân vừa phải “chạy” khỏi nơi ở cũ, vừa phải căng sức xây nơi ở mới (do địa phương chỉ cấp tiền và mặt bằng, dân tự lo xây dựng) với quy mô hàng nghìn hộ của 12 xã đã tạo nên sự hỗn loạn, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự xã hội. Các quy hoạch di dân, tái định cư không được đưa ra thẩm định trên cơ sở khoa học, nhất là không được thẩm định xã hội, nên thiếu những luận cứ về mặt xã hội, nhân văn, mà lẽ ra các chủ đầu tư (trong đó có nhiều chủ đầu tư nước ngoài) phải trực tiếp chịu trách nhiệm. Họ cảm thấy mừng ra mặt vì không phải trực tiếp nhận trách nhiệm về mặt này.

Sự dễ dãi và yếu kém trong qui hoạch, kế hoạch quản lý, sử dụng cùng với tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt đã đưa tới tình trạng sử

dụng đất tùy tiện, lãng phí. Hầu hết các khu công nghiệp, dịch vụ, dân cư,... đều bám dọc các quốc lộ huyết mạch, các vùng nông thôn trù phú. Hệ quả là, hàng chục vạn héc-ta “đất cày ruộng”, đất “bờ xôi, ruộng mật” đã bao đời nay là tư liệu sản xuất quan trọng và quý giá nhất của người nông dân, là nền tảng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đã bị sử dụng phí phạm, tác động mạnh đến công ăn việc làm, thu nhập và đời sống của hàng chục vạn hộ gia đình nông thôn với hàng triệu lao động nông nghiệp. Đi liền với thực trạng này là sự nảy sinh phân hoá giàu - nghèo, thậm chí cả mâu thuẫn xã hội.

2.4. Phát triển nóng của các KKT dẫn đến nhiều hệ lụy về môi trường

Quá trình công nghiệp hoá ngày càng nhanh và mạnh hiện nay ở miền Trung đang phải đối mặt với nguy cơ suy thoái môi trường sinh thái.

Môi trường không khí trong vùng đang ngày càng lộ rõ nguy cơ bị ô nhiễm do sự phát triển công nghiệp, hoạt động giao thông phục vụ công nghiệp hóa. Trong đó:

- Tải lượng bụi: do hoạt động giao thông là 4.526 tấn/năm, do hoạt động công nghiệp là 96.178 tấn/năm (nhiều gấp 21,2 lần).
- Tải lượng SO₂: do hoạt động giao thông là 21.577 tấn/năm, do hoạt động công nghiệp là 247.316 tấn/năm (nhiều gấp 11,5 lần).
- Tải lượng NO₂: do hoạt động giao thông là 5.935 tấn/năm, do hoạt động công nghiệp là 33.368 tấn/năm (nhiều gấp 5,6 lần).

Môi trường đất và môi trường sinh học trong vùng cũng bị tác động của quá trình công nghiệp hoá. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá luôn thể hiện mặt trái của nó là làm ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ đến môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các ngành công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ phần lớn là sử dụng công nghệ lạc hậu, lượng nguyên vật liệu, năng lượng tiêu hao nhiều cùng với các chất thải (rắn, nước, khí) chưa được thu gom và xử lý triệt để, tích tụ các hoá chất độc hại, các kim loại nặng, nên cũng tác động và làm ảnh hưởng đến môi trường đất, làm chua hoá và chai cứng đất.

Việc khai thác khoáng sản cũng làm cho phần lớn đất bị ảnh hưởng về thành phần và tính chất hoá học, đồng thời trong quá trình khai thác khoáng sản nguồn tài nguyên rừng cũng bị tác động theo chiều hướng suy giảm. Đặc biệt, việc khai thác tự do khoáng sản, nhất là khai thác vàng sa khoáng có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường đất và rừng. Cụ thể là đã chiếm dụng diện tích lớn làm khai trường và xây dựng các công

trình phụ trợ. Theo thống kê chưa đầy đủ, tổng diện tích đất cấp có phép cho các vùng khai thác vàng sa khoáng là hơn 3000 ha, trong đó, diện tích rừng phòng hộ và rừng cây các loại khác ước tính khoảng 1000 ha. Tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là ô nhiễm môi trường nước đang diễn ra hết sức phức tạp, đáng báo động.

Thực trạng ô nhiễm này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Tuy nhiên một nguyên nhân quan trọng là hiện nay, hầu hết các cụm công nghiệp chưa được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó quan trọng nhất là hệ thống giao thông và khu xử lý nước thải tập trung. Trong phần lớn các khu công nghiệp hiện nay chưa có chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và do đó, hệ thống giao thông trong cụm cũng như khu xử lý nước thải tập trung đều chưa được xây dựng. Thực tế này dẫn đến việc các dự án sản xuất kinh doanh đầu tư vào các cụm công nghiệp chủ yếu bám mặt đường giao thông công cộng phía ngoài cụm và trong quá trình xây dựng nhà máy cũng như quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đều phát thải tiêu cực đến môi trường.

Các chuyên gia kinh tế của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá là vẫn còn những hạn chế, bất cập trong công tác tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường của một số khu công nghiệp và doanh nghiệp tại khu công nghiệp cũng như công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường

Những bất cập, hạn chế chủ yếu là việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp còn yếu; việc xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải tại một số khu công nghiệp còn chưa được thực hiện nghiêm túc, ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên, môi trường sống của người dân khu vực xung quanh khu công nghiệp. Cần tăng cường phân cấp cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường trong khu công nghiệp gắn với tăng cường cơ chế phối hợp, hướng dẫn giữa các cơ quan Trung ương và địa phương. Tính đến nay, cả nước đã có trên 200 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên là 71.394ha; trong đó, có 173 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động. Hiện, đã có 105 khu công nghiệp đã xây dựng và đi vào vận hành công trình xử lý nước thải tập trung, chiếm 60% tổng số các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động. So với kế hoạch 5 năm 2006-2010, tỷ lệ các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động có công trình xử lý nước thải tập trung đi vào vận hành đã tăng đáng kể, từ 35% năm 2006 lên 60% vào năm 2011.

Hơn thế nữa, năng lực kỹ thuật yếu kém, công nghệ lạc hậu, thiết bị lỗi thời và sự thô sơ của quá trình phát triển công nghiệp, thiếu khuôn khổ pháp lý và thể chế có hiệu lực, cộng với việc thi hành các quy định về môi trường còn rất hạn chế có thể gây ra vô số mối nguy hại đối với môi trường trong tương lai khi các ngành tiếp tục phát triển. Mặt khác, sự tập trung thái quá vào phát triển công nghiệp sẽ khiến cho vấn đề môi trường càng trở nên tồi tệ và thách thức đối với tăng trưởng hiện tại, mức độ ô nhiễm môi trường sẽ tăng nhiều lần trong 10 năm tới, tương đương với mức tăng 14%/năm nếu không có một số biện pháp ngăn ngừa hữu hiệu.

2.5. Vấn đề đào tạo nguồn nhân lực

+ So với tổng số người lao động thì số người được đào tạo nghề còn quá ít, chất lượng lao động đã qua đào tạo nhìn chung còn thấp, nhất là chất lượng lao động trong nông nghiệp. Đào tạo ngắn hạn vẫn chiếm ưu thế hơn đào tạo chính quy, dài hạn; cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu của việc dạy và học.

+ Tương quan giữa trình độ đại học, trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật còn hết sức bất hợp lý: 1 đại học; 0,5 trung học chuyên nghiệp; 0,2 công nhân kỹ thuật (trong khi tỷ lệ này ở các nước phát triển là: 1 - 4 - 10). Mặt khác, nguồn nhân lực có trình độ cao chủ yếu tập trung ở các thành phố, trong các trường đại học, cao đẳng và các cơ quan ban ngành cấp tỉnh. Tỷ trọng nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, nhưng lực lượng lao động qua đào tạo trong nông nghiệp mới chỉ đạt 15,44%.

+ Cơ cấu lao động có trình độ từ đại học trở lên có sự mất cân đối giữa các ngành đào tạo, nên tạo ra trường hợp thừa, thiếu giả tạo. Mặc dù đã ban hành nhiều chính sách thu hút nhân tài, nhưng kết quả đạt được không cao do tâm lý xã hội chưa thực sự đồng thuận, trong đánh giá, nhìn nhận còn hẹp hòi, khắt khe, níu kéo, mức trợ cấp ban đầu còn thấp.

+ Vấn đề việc làm cho người lao động vẫn còn hết sức nan giải. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn vẫn còn cao. Trong số người thất nghiệp có cả những người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp do chưa đào tạo sát với nhu cầu tuyển dụng, nhất là các nghề luật, kế toán, quản trị kinh doanh, sư phạm.

+ Tính không bền vững của sự phát triển trong quá trình đô thị hoá còn thể hiện trong chất lượng, trình độ của nguồn nhân lực còn rất thấp so với yêu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Các tỉnh Bắc Trung Bộ

có nhiều tiềm năng, lợi thế và đang triển khai nhiều công trình, dự án trọng điểm. Trong khi đó, nhu cầu về nguồn nhân lực lao động chưa đáp ứng, chất lượng còn thấp. Lao động phổ thông, lao động chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ lớn, còn lao động có tay nghề, có trình độ kỹ thuật cao lại thiếu. Nguyên nhân cơ bản là do hệ thống đào tạo, dạy nghề của các tỉnh còn nhiều yếu kém, bất cập.

Các dự án lớn ở các KKT trong khu vực cơ bản đang trong giai đoạn bắt đầu triển khai, đã và sẽ cần đến một lực lượng lao động cực lớn. Theo thống kê sơ bộ của các tỉnh Bắc Trung Bộ, nhu cầu lao động cho các dự án đến năm 2015 lên đến 391 nghìn người, năm 2020 là 550 nghìn người. Đây được xem là cơ hội lớn để giải quyết nguồn nhân lực tại chỗ cho các tỉnh trong khu vực - nơi có dân số đông, khoảng mười triệu người với hơn 56% trong độ tuổi lao động. Bên cạnh cơ hội là thách thức lớn đặt ra, số lao động này cần được đào tạo cơ bản qua các trường lớp (chỉ ít là trường nghề), lại phải có kinh nghiệm thực tế, lẫn ý thức tác phong làm việc và sức khỏe... Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên các trường đại học, trường nghề ở đây chưa đáp ứng kịp nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực. Đến nay, 5 tỉnh Bắc Trung Bộ (từ Thanh Hóa đến Quảng Trị) có 22 trường đại học và cao đẳng (11 trường đại học), phần lớn các trường mới được nâng cấp trong vài ba năm lại đây mà phần lớn đều bắt đầu từ trường sư phạm của các tỉnh, cho nên thiếu đội ngũ giáo viên và các trường đào tạo về lĩnh vực khoa học kỹ thuật hay kinh tế như luyện kim, điện, khai khoáng, hóa chất... Hầu như chưa có tỉnh nào trong khu vực triển khai đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách thu hút nhân tài một cách hiệu quả.

+ Đến nay, tuy các dự án đang triển khai khá quyết liệt, nhưng quan hệ tay ba, giữa doanh nghiệp – nơi có nhu cầu sử dụng lao động với nhà trường - nơi đào tạo và nhu cầu học nghề của người lao động vẫn chưa có mối quan hệ khăng khít, dẫn đến tình trạng, người lao động băn khoăn trong việc chọn nghề để học, học ra rồi vẫn khó có cơ hội tìm kiếm việc làm...

2.6. Vấn đề quan hệ giữa phát triển công nghiệp, đô thị hóa với giải quyết các chính sách an dân, đặc biệt giải quyết việc làm và lao động

Dân số trung bình của vùng Bắc Trung Bộ năm 2009 là 10,09 triệu người, chiếm 11,5 % dân số cả nước; trong đó, số người ở khu vực đô thị khoảng 15,8 %, khu vực nông thôn 84,2 %. (trong khi tỷ lệ dân số đô thị trung bình cả nước là 26 %). Trong vòng 10 năm tới, nếu đẩy nhanh tốc độ CNH, thì tốc độ đô thị hóa (ĐTH) sẽ nhanh hơn; sẽ hình thành các đô

thị mới như Nghi Sơn (Thanh Hoá), Thái Hoà, Bãi Trành (Nghệ An), Vũng Áng (Hà Tĩnh), Chân Mây (Thừa Thiên Huế), mở rộng thành phố Thanh Hoá, Vinh, Đồng Hới, Đồng Hà và mở rộng cả Thừa Thiên Huế thành đô thị cấp I.

Tuy nhiên, trong lúc đẩy nhanh tốc độ CNH, ĐTH thì những vấn đề về văn hóa, yếu tố con người sẽ không chuyển dịch nhanh chóng cùng với tốc độ ĐTH. Trong đó, việc đào tạo, giải quyết lao động chưa có việc làm và lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp là những vấn đề cấp bách. Rõ ràng, CNH, ĐTH là xu thế tất yếu, nhưng việc chuyển đổi đất trồng lúa để xây dựng đô thị là vấn đề cần cân nhắc, tính toán trong sự phát triển nông nghiệp với tư cách là vành đai xanh của các đô thị và theo hướng phát triển bền vững lâu dài, cân đối giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp ở vùng Bắc Trung bộ

2.7. Vấn đề công nghiệp hoá nông thôn

Tuy nhiên, một thực tế khó khăn trong phát triển khu vực Bắc Trung Bộ là tình trạng nông thôn phát triển thiếu quy hoạch và tự phát. Tới nay chỉ có khoảng 23% có quy hoạch dân cư nông thôn, nhưng chất lượng quy hoạch thấp; các quy hoạch khác như quy hoạch sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ các cơ sở hạ tầng thiết yếu chưa được chú ý. Môi trường nhiều vùng nông thôn ngày càng bị ô nhiễm do chất thải sinh hoạt, chăn nuôi và nông dược. Các vùng ven đô thị, khu công nghiệp, làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng. Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn còn chậm. Tỷ lệ lao động nông, lâm, ngư nghiệp còn cao. Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nhiều lĩnh vực nông nghiệp; chỉ có khoảng 16% đầu tư mới hàng năm của doanh nghiệp trong nước và gần 5% FDI vào khu vực này. Như trên đã phân tích, số lượng lao động ở khu vực nông thôn miền Trung còn rất lớn (60 – 70% nguồn nhân lực) trong khi các khu kinh tế, các khu công nghiệp cần số lượng lao động kỹ thuật đặc thù có giới hạn. Chính vì vậy, đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá nông thôn và xây dựng nông thôn mới là vấn đề cấp thiết không kém phần quan trọng so với phát triển các khu công nghiệp và đô thị lớn trong vùng.

3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC KHU KINH TẾ VEN BIỂN BẮC TRUNG BỘ

Thứ nhất, phần lớn các KKT đều được thành lập ở những tỉnh có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khó khăn và ở những khu vực mà hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu còn

chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ, nên việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng của các KKT chủ yếu phải dựa vào nguồn vốn hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước. Chính vì vậy, cần phải xác định rõ quy hoạch phát triển các khu kinh tế, các thành phố mới và mở rộng các đô thị ven biển Bắc Trung Bộ gắn liền với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội cho từng địa phương trên tầm nhìn toàn vùng và tuân thủ nghiêm ngặt quy hoạch đó trong quá trình thực hiện. Điều đó cho phép đánh giá sử dụng các nguồn tài nguyên, vốn và nhân lực một cách hợp lý. Phân tích định lượng và tầm nhìn toàn vùng nhằm tập trung phát triển hạ tầng cơ sở kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, liên kết gọi vốn đầu tư và cả thị trường cho phát triển các khu kinh tế ven biển.

Phát triển KKT phải gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương và của vùng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cao nhất và bảo đảm phát triển bền vững; phát triển KKT phải hướng tới hiện đại; đảm bảo sử dụng một cách hiệu quả cả quỹ đất, mặt nước và không gian của KKT, phải hướng tới hình thành khu chức năng nòng cốt, chủ đạo và gắn kết chặt chẽ với phát triển vùng. Điều đó còn gắn liền với vùng lãnh thổ liên kề khu kinh tế, hệ thống trị trấn, thị tứ của quá trình công nghiệp hoá nông thôn, của vùng ngoại vi nông nghiệp của các đô thị Bắc Trung Bộ.

Thực hiện sự liên kết toàn diện theo xu hướng thị trường mở, cụ thể là sự liên kết trong nội bộ khu công nghiệp, liên kết giữa các khu công nghiệp trên cùng một khu vực, và hình thành nhiều kiểu, loại khu công nghiệp đa dạng trong phát triển sản xuất và sử dụng các nguồn nhân lực.

Thứ hai, cần nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm tính hệ thống trong quy hoạch khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đồng bộ trong không gian môi trường - kinh tế - xã hội. Quy hoạch các khu kinh tế phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quy hoạch đất đai, quy hoạch điểm dân cư, thành phố, khu đô thị. Quy hoạch khu kinh tế không chỉ nói chung về bố trí địa điểm, vị trí của khu, mà còn phải tính tới cả hướng bố trí ngành công nghiệp, sản phẩm sẽ sản xuất, phù hợp với đặc điểm dân cư, khả năng đất đai, tài nguyên, giá cả lao động và yêu cầu về môi trường của từng khu vực. Điều đáng nói ở đây là cần phải xác định rõ quy mô hợp lý của các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển, xác định rõ có định lượng và dự báo quy mô cũng như chức năng hợp lý của các đô thị ven biển trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên và không gian của vùng Bắc Trung Bộ.

Thứ ba, không nên coi khu công nghiệp là chỉ có sản xuất công nghiệp và cần phải có hàng rào riêng. Đặc biệt là, xây dựng khu công nghiệp hiện nay, không phải chỉ với mục tiêu thu hút bằng mọi cách vốn đầu tư, mà còn phải đặt ra những yêu cầu về tính hiệu quả, tính bền vững và khả năng lan toả cho các khu vực khác.

Thứ tư, phát triển các mô hình KKT mới phải gắn với cơ chế chính sách đặc thù theo hướng mở (ví dụ như: thành phố công nghiệp) để tạo bước đột phá phát triển cho các KKT ven biển; trước mắt, lựa chọn KKT Nghi Sơn và KKT Vũng Áng, có khả năng tạo sức phát triển lan toả mạnh để thí điểm theo định hướng cụ thể là: (1) Chuyển từ khu công nghiệp mang tính tận dụng lao động, điều kiện tự nhiên để thu hút các nhà đầu tư thuộc nhiều ngành nghề sản xuất công nghiệp khác nhau với mục tiêu lấp đầy khu công nghiệp thành những khu công nghiệp mang tính sản xuất và chế biến chuyên môn hoá ngày càng cao và với mục tiêu hiệu quả kinh tế đặt ra là chủ yếu; (2) Chuyển từ khu công nghiệp chỉ bao gồm chuyên môn hoá sản xuất công nghiệp, chuyên môn hoá sản xuất cho xuất khẩu, sang mô hình khu công nghiệp tổng hợp, trong đó bao gồm cả sản xuất công nghiệp, thương mại (xuất khẩu và tiêu thụ nội địa), dịch vụ như ngân hàng, bưu điện, dịch vụ cung ứng thương mại và các hoạt động dịch vụ; hoạt động khoa học công nghệ cao; (3) Chuyển từ khu công nghiệp không có dân cư sang khu công nghiệp có dân cư thường gọi là khu kinh tế mở, đặc khu kinh tế, v.v....

Thứ năm, cần tập trung phát triển các dự án động lực hiện đã thu hút được và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong các KKT để làm tiền đề cho việc hình thành khu vực phát triển công nghiệp chiến lược trong các KKT và thu hút các nhà đầu tư khác.

Xây dựng các tuyến giao thông ven biển nối liền các KKT làm cơ sở để tạo mối liên kết, tương hỗ lẫn nhau giữa các khu kinh tế ven biển, làm tiền đề hình thành trục động lực phát triển ven biển, trong đó có sự phân công chặt chẽ trong phát triển ngành, lĩnh vực giữa các KKT. Huy động tổng hợp các nguồn vốn (ODA, FDI, Ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ) để tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu, quan trọng trong các KKT để tạo điều kiện đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các KKT. Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia cho các KKT ven biển trên tầm toàn vùng Bắc Trung Bộ tại nước ngoài vào thời điểm thích hợp, trước mắt có thể xây dựng trang Web chung cho các KKT để quảng bá thương hiệu KKT ven biển Bắc Trung Bộ .

Thứ sáu, bảo đảm tính đồng bộ của các yếu tố cơ sở hạ tầng về kinh tế-xã hội và môi trường. Mục đích chung của định hướng này là nhằm bảo đảm cho sự phát triển bền vững không những nội tại khu kinh tế mà cả vùng lãnh thổ. Để thực hiện được mục tiêu trên, sự phát triển các khu công nghiệp phải được kết hợp chặt chẽ với các yếu tố cần phát triển khác như: hệ thống bảo vệ và chống ô nhiễm môi trường; hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội: đường sá, điện, nước, nhà cửa, mạng lưới thông tin viễn thông, y tế, giáo dục; phát triển khu công nghiệp đi đôi với quy hoạch đồng bộ mạng lưới thị tứ, thành phố, khu vực thành thị với các điều kiện sinh hoạt hiện đại. Phải coi khâu thẩm định chặt chẽ những tác động về môi trường của từng xí nghiệp và toàn bộ khu công nghiệp đối với nguồn nước cũng như không khí ở các khu vực liên quan là một trong những ưu tiên hàng đầu. Xây dựng nhà máy xử lý chất thải theo đúng quy định bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe của con người phải được coi là quy hoạch ưu tiên trong quá trình thành lập khu kinh tế, khu công nghiệp..

Phải gắn việc thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp với đảm bảo tính bền vững về chính trị - xã hội. Vi phạm điều này, không chỉ làm nảy sinh những vấn đề xã hội bức xúc, mà còn là nguy cơ dẫn đến những bất ổn về chính trị - xã hội. Do đó, phát triển bền vững các khu kinh tế ven biển vùng Bắc Trung Bộ nói riêng và cả nước nói chung là yêu cầu cần thiết, góp phần bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội và an ninh chính trị của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Mộng (2009), *Quản lý tổng hợp vùng ven bờ*. Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
2. Hà Huy Thành, Nguyễn Ngọc Khánh (đồng chủ biên) (2009), *Phát triển bền vững, từ quan niệm đến hành động*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lê Thế Giới (2007), *Khai thác các lợi thế so sánh trong phát triển kinh tế vùng và địa phương*. Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 1(80), Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Học viện Chính trị khu vực III.
4. Ngô Thắng Lợi, Bùi Đức Tuấn, Vũ Thanh Hương, Vũ Cương, *Vấn đề phát triển bền vững các khu công nghiệp ở Việt Nam*. Tạp chí Khu Công nghiệp VN tháng 2/2007.
5. Nguyễn Hiền, *Quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển vùng*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 12/2007.
6. Lê Đình Thành, Nguyễn Thị Thế Nguyên (2005), *Nghiên cứu và đánh giá tổng hợp những vấn đề chính về quản lý, khai thác và phát triển vùng ven biển*, Đại học Thủy Lợi.
7. Viện Chiến lược và Phát triển, Bộ KH&ĐT (2006), *Rà soát, điều chỉnh, bổ sung qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2020*. Hà Nội.

